

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/ HNGĐ- ST

Ngày 15/11/2022

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Chu Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Chi

Bà Đồng Thị Mây

- Thư ký phiên toà: Ông Đinh Quốc Cường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Vui - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 198/2022/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, chia tài sản chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1985

Nơi ĐKKHKT: Đội 7, thôn Đ, xã C, huyện K, tỉnh H;

Nơi ở hiện nay: Thôn T, xã K, huyện K, tỉnh H.

Bị đơn: Anh Nguyễn Quang H1, sinh năm 1985

Địa chỉ: Đội 7, thôn Đ, xã C, huyện K, tỉnh H.

Chị H, anh H1 đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn và bị đơn trình bày:

Chị H và anh H1 kết hôn ngày 31 tháng 12 năm 2006, trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện K, tỉnh H. Anh chị có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, anh chị về chung sống tại gia đình nhà anh H1. Theo chị H1 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ngay sau khi kết hôn. Nguyên nhân là do anh H1 mải chơi, không tu chí làm ăn, quan tâm tới gia đình vợ con. Anh H1 thường xuyên uống rượu lái xe, gây tai nạn dẫn đến phải đền bù làm kinh tế gia đình sa sút. Anh đi làm nhưng không mang tiền về xây dựng kinh tế gia đình. Mặt khác, chị phát hiện anh không chung thủy với chị. Chị khuyên bảo nhiều lần nhưng anh H1 không nghe, còn chửi bới, đánh chị. Đỉnh điểm mâu thuẫn giữa anh chị vào tháng 6 năm 2022, nguyên nhân là do sau khi vợ chồng cãi cọ, anh H1 đưa con trai là cháu T1 lên cầu A, H bắt cháu nhảy cầu tự tử. Nhưng được mọi người đi đường cứu giúp nên sự việc không diễn ra. Kể từ đó, chị đã đưa con về nhà ngoại sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân, anh H1 có hành vi, lời nói đe dọa chị và gia đình chị, bắt chị về nhà nhưng chị không về và kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh H1.

Theo anh H1, vợ chồng chung sống đến tháng 6 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh có nghi ngờ chị H ngoại tình, mặc dù anh không có bằng chứng. Thêm vào nữa, trong quá trình sinh sống tại gia đình anh, chị H có thái độ cư xử hỗn láo, không đúng mực với bố mẹ anh. Kể từ tháng 6 năm 2022, anh chị đã sống ly thân. Anh có tìm đón chị H về nhưng chị H không về sinh sống cùng anh. Nay anh xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị H nên anh không đồng ý ly hôn, anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh TH, sinh ngày 10/10/2007 và Nguyễn Quang T, sinh ngày 24/6/2011, hiện hai con đang sinh sống cùng với chị H. Nếu vợ chồng ly hôn, chị H có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, giao cháu TH cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung với bên nào. Anh H1 có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung với anh. Hiện tại, chị H làm quản lý tại công ty TNHH L, thu nhập bình quân là 10.000.000đồng, ngoài ra chị còn đi bán hàng thêm thu nhập là 10.000.000đồng, tổng thu nhập hàng tháng của chị là 20.000.000đồng. Anh H1 làm nghề lái xe, thu nhập hàng tháng là 10.000.000đồng.

Về tài sản chung, nợ: Tại thời điểm khởi kiện, chị H có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ nhưng đến ngày 18 tháng 8 năm 2022, chị H đã tự nguyện rút yêu cầu về tài sản và nợ mà đề chị và anh H1 tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án đã ra quyết định đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện. Anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ.

Qua xác minh với trưởng thôn Đ1-xã C, bà T1- mẹ đẻ chị H, ông H2-bố đẻ anh H1 thể hiện: Chị H và anh H1 sinh sống tại đội 7, thôn Đ, xã C, huyện K, tỉnh H. Quá trình sinh sống, anh chị có phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi cọ.

Nguyên nhân là do anh chị không hợp tính tình nhau, bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên nghi ngờ lẫn nhau không chung thủy. Anh chị đã sống ly thân kể từ tháng 6 năm 2022 cho đến nay. Nay chị H xin ly hôn anh H1 đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết. Nếu anh chị ly hôn, việc giao con chung cho chị H hay anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng thì gia đình chị H và gia đình anh H1 đều sẽ hỗ trợ anh chị trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu.

Tại phiên tòa:

Chị H và anh H1 đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Quang H1. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh TH, sinh ngày 10/10/2007 cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là Nguyễn Quang T, sinh ngày 24/6/2011 cho chị H tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 11/2022 đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung với bên nào. Về tài sản chung, nợ: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Thu H khởi kiện xin ly hôn đối với anh Nguyễn Quang H1 có địa chỉ cư trú tại xã C, huyện K, tỉnh H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Quang H1 là bị đơn không có yêu cầu phản tố, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, chị H vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H, anh H1.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Quang H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn theo luật định. Đây là hôn nhân hợp pháp. Anh chị có thời gian sống hòa thuận đến năm tháng 6 năm 2022 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ việc làm ăn kinh tế, sinh hoạt hằng ngày, cư xử với gia đình hai bên và nghi ngờ, không tin

tưởng ở nhau. Mâu thuẫn vợ chồng không những không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng, anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Anh H1 mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ vì con cái. Nhưng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, tiến hành hòa giải, anh H1 không tham gia buổi hòa giải, cũng không có lý do chính đáng. Thời gian vợ chồng sống ly thân, anh có tìm đón chị H về nhưng lại có hành vi, lời nói chửi bới, đe dọa chị H và gia đình chị. Xét quan hệ vợ chồng giữa hai anh chị đã ở vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ly hôn là một giải pháp tích cực để giải phóng cho hai anh chị cũng như các thành viên khác trong gia đình khỏi cảnh bất bình thường, bảo đảm lợi ích của vợ chồng anh chị, của gia đình và của xã hội. Anh H1 không đồng ý ly hôn chị H nhưng anh cũng không còn biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh TH, sinh ngày 10/10/2007 và Nguyễn Quang T, sinh ngày 24/6/2011. Xét điều kiện nuôi con của anh chị thì thấy: Chị H anh H1 đều có việc làm, có thu nhập, có nơi ở ổn định và có khả năng chăm sóc con như nhau, đảm bảo được môi trường sống, học tập của các cháu được phát triển lành mạnh. Hiện cháu T nhỏ tuổi hơn, có nguyện vọng ở với chị H. Cháu TH đã lớn, tự chăm sóc được bản thân và gia đình, có nguyện vọng được ở với anh H1. Vì thế, việc giao cháu TH cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp điều kiện hoàn cảnh thực tế của anh chị và phù hợp nguyện vọng của các cháu. Chị H và anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau.

[2.3]. Về quan hệ tài sản, nợ: Đến nay, chị H và anh H1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt xem xét giải quyết trong vụ án này.

[2.4]. Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H.

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thu H ly hôn anh Nguyễn Quang H1.

- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Thanh TH, sinh ngày 10/10/2007 cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung là Nguyễn Quang T, sinh ngày 24/6/2011 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 11 năm 2022 đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Chị H và anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau.

Chị H và anh H1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ: Không đặt ra giải quyết

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, đối trừ với số tiền 300.000đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2020/0004742 ngày 04/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh H.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện K;
- UBND xã C, huyện K, tỉnh H(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thu Hương